PHÒNG GDĐT BÀU BÀNG
TRƯỜNG THCS LAI UYÊN

Số: 11/BC- THCSLU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lai Uyên, ngày 26 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO
SƠ KẾT 02 NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 131/QĐ-TTg NGÀY 25/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Công văn số 75/PGDĐT-CNTT ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Phòng GDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ quan báo cáo: Trường THCS Lai Uyên
- Họ và tên người lập báo cáo: Võ Tự Duy Linh
- Điện thoại di động: 0978492914

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Thực hiện Công văn số 234/SGDĐT-VP ngày 18/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) và thống kê giáo dục năm học 2023-2024; Công văn số 762/PGDĐT-VP ngày 24/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Bàu Bàng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024. Trường THCS Lai Uyên đã thực hiện kế hoạch sau:

Thực hiện Kế hoạch số 26/ KH-THCSLU ngày 26/10/2023 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023 – 2024.

Phân công lãnh đạo nhà trường và giáo viên kiêm nhiệm có hiểu biết về CNTT làm đầu mối, phụ trách theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT, CĐS; duy trì, triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học, đổi mới phương pháp dạy và học; triển khai cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành định kỳ đảm bảo đầy đủ, đúng thời gian quy định.

+ Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học.

+ Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, CĐS

+ Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền kế hoạch.mua sắm bổ sung, duy trì, nâng

+ Cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CĐS;

+ Tổ chức dạy môn Tin học; tổ chức dạy học trực tuyến, làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong trường; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy và học; triển khai hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT (quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà

Được quét bằng CamScanner

nước).

+ Có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến, thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống CSDL giáo dục.

+ Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường.

+ Cập nhật thường xuyên các thông tin tuyên truyền, chính sách về giáo dục; gương điển hình tiên tiến trong ngành trên trang thông tin điện tử nhà trường.

+ Tăng cường triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử, sử dụng ký số trong việc gửi/nhận văn bản, duyệt giáo án, các hồ sơ điện tử, ...

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Để thực hiện tốt kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo nhà trường đã đạt kết quả sau:

+ Về phương tiện, đường truyền, phần mềm đáp ứng yêu cầu về tham gia các hoạt động dạy và học trực tuyến.

+ Xây dựng hạ tầng mạng (tất cả các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc điều được kết nối mạng), trang thiết bị công nghệ thông tin (như máy tính, bảng tương tác thông minh, camera, máy in), đường truyền, dịch vụ internet, trang bị phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, tận dụng tối đa các phương tiện để hỗ trợ cho giáo viên khi dạy học trực tuyến.

+ Bồi dưỡng đội ngũ nhân lực (cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học. Hướng dẫn cụ thể về tổ chức học trực tuyến để triển khai, hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên kỹ thuật thực hiện, xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng bộ môn.

+ Trang bị máy tính đảm bảo ít nhất 2 em học sinh một máy. Hiện tại trường có 1 phòng tin học với 35 bộ máy tính.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.

Được quét bằng CamScanner

Tuy nhà trường đã cố gắng trang bị các phương tiện nhưng hiện tại số phòng tin còn thiếu (chỉ có 1 phòng và 35 bộ máy tính) số lượng vẫn còn chưa đủ để các em có thể thực hiện học môn tin học được tốt nhất và gấy khó khăn cho giáo viên trong quá trình dạy học.

Nguyên nhân của khó khăn trên là do trường đã xây dựng rất lâu và sử dụng lại của trường cấp 3, số lượng học sinh đông phải tận dụng hết phòng chức năng để làm phòng học.

2. Kết quả chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

+ Huy động giáo viên tích cực tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GDĐT trên trang https://igiaoduc.vn/ và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

+ Tăng cường tổ chức đánh giá học sinh thường xuyên bằng hình thức trực tuyến (môn tin học); từng bước tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên máy tính đảm bảo khách quan, công bằng và có độ tin cậy như hệ thống học và thi trực tuyến LMS (Learning Management System), Google Form, Quizze.

+ Triển khai hiệu quả các hệ thống thông tin, ứng dụng như: Phần mềm quản trị trường học (VnEdu); thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và CSDL số hóa sách, tài nguyên phục vụ dạy và học); ký số hồ sơ, giáo án; 100% học sinh khối 6, 7 sử dụng học bạ điện tử...

+ 3% nội dung chương trình học được triển khai dưới hình thức trực tuyến như phần củng cố bài học,.nội dung luyện tập mở rộng, kiểm tra đánh giá.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

+ Số lượng học sinh có máy tính còn thấp (ước tính 35%) chủ yếu các em sử dụng trên điện thoại thông minh nên gặp nhiều khó khăn trong học tập.

+ Trình độ, kỹ năng UDCNTT và chuyển đổi số của giáo viên chưa cao.

+ Các phần mềm và nền tảng học trực tuyến tốt và đáp ứng đầy đủ nhu cầu có giá thành cao.

+ Tâm lý ngại thay đổi, một số giáo viên có thể lo lắng về vấn đề công nghệ thay thế hệ thống giáo dục truyền thống và ngần ngại bước ra khỏi vùng an toàn.

Nguyên nhân:

+ Đặc thù học sinh của trường là người lao động từ rất nhiều nơi đến địa phương, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa đầu tư thiết bị (máy tính, điện thoại thông minh).

+ Phần lớn giáo viên chưa có nhiều thời gian và tâm lí ngại đầu tư tìm hiểu và nâng cao trình độ công nghệ thông tin.

Được quét bằng CamScanner

3. Kết quả chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu

+ Triển khai ứng dụng phần mềm quản trị trường học (VnEdu); thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và CSDL số hóa sách, tài nguyên phục vụ dạy và học); ký số hồ sơ, giáo án; ...

+ Đã đồng bộ cơ sở dữ liệu (thông tin lớp học, thông tin đội ngũ, thông tin người học, thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục, thông tin tài chính) lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ GDĐT.

+ Đã sử dụng, khai thác và thực hiện báo cáo trên hệ thống CSDL toàn ngành của Bộ GDĐT tại địa chỉ http://csdl.moet.gov.vn/.

+ Cập nhật, rà soát, kiểm tra dữ liệu và nộp báo cáo đầy đủ, chính xác và đúng thời gian yêu cầu của Sở GDĐT.

+ Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu bằng hồ sơ số.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.

+ Hiện tại 60% quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu chuyển sang hồ sơ số.

+ Nguyên nhân: Do nhân viên quản lý thiết bị đã lớn tuổi, vẫn chưa thích nghi kịp với việc chuyển đổi số, sang năm học tới nhà trường sẽ lên kế hoạch và phân các bộ phận hỗ trợ.

4. Kết quả triển khai dịch vụ trực tuyến

+ 70% hồ sơ chuyển trường điều được chuyển dữ liệu số trên hệ thống quản trị trường học và hệ thống CSDL nghành giáo dục.

+ 100% Phụ huynh và học sinh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của trường.

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

Khó khăn, vướng mắc, hạn chế: Hiện tại trường gặp nhiều khó khăn khi có 30% hồ sơ học sinh chuyển đến vẫn chưa chuyển dữ liệu số trên phần mềm quản trị nhà trường và hệ thống CSDL nghành giáo dục

Nguyên nhân: Do các trường ở nhiều tỉnh không sử dụng cùng một hệ thống phần mềm quản trị và không thực hiện chuyển trường trên phần mềm CSDL nghành giáo dục.

5. Kết quả phát triển nguồn nhân lực

+ 100% giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số.

+ Hiện tại nhà trường chưa đủ đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số nên chưa thực hiện triển khai thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục.

Được quét bằng CamScanner

+ 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu (tài khoản Temis, tài khoản bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến vnedu, MS team, Google Meet).

- Khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân.

Vẫn chưa kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục, do hiện tại nhà trường vẫn thiếu 01 nhân viên phụ trách công nghệ thông tin.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nên có ý kiến với cấp trên về việc các Sở giáo dục phải sử dụng cùng một hệ thống phần mềm quản trị và thực hiện chuyển trường trên phần mềm CSDL nghành giáo dục.

- Với Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thường xuyên tổ chức lớp học để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin.

- Với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Nơi nhận:
- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

Lai Uyên, Ngày tháng 02 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THCS LAI UYÊN

Võ Tự Duy Linh

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 3: BIỂU SỐ LIỆU THỐNG KÊ KẾT QUẢ
SAU 02 NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 131/QĐ-TTg
NGÀY 25/01/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Công văn số 15 /PGDĐT-CNTT ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Phòng GDĐT)

Số lượng nhà giáo được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
1.Tổng số giáo viên có máy tính	64	100
2.Tổng số giáo viên có đường truyền Internet	64	100
Người học được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
1. Tổng số học sinh có máy tính	750	45.3
2. Tổng số học sinh có đường truyền Internet	1355	81.8
Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
1. Số nền tảng: 01 (VNPT E-Learning)		
2. Số nền tảng là sản phẩm trong nước	1	100
3. Số lượng học sinh tham gia sử dụng nền tảng	1450	91
Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến		**Tỷ lệ %**
1. Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc tiểu học		
2. Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc trung học		3
Triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
1. Tổng số cơ sở giáo dục đã triển khai		
2. Số lượng người học được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất	1655	100
3. Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất	64	100
4. Số lượng các cơ sở giáo dục đào tạo quản lý hồ sơ số đối với cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu		

Được quét bằng CamScanner

5. Số lượng hồ sơ công việc tại cấp Phòng được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số		
Triển khai dịch vụ hỗ trợ người học, người dân	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
1. Số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán)		
2. Số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	15	70
3. Số lượng (ước tính) người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục	1655	100
4. Số lượng (ước tính) tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục		

Nơi nhận:
- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC TÂN UYÊN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THCS LAI UYÊN

Võ Tự Duy Linh

Được quét bằng CamScanner